

Bản án số: **272 /2020/HNGĐ-ST.**

Ngày: 03 / 9 /2020

Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thảo**

2. Bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông **Vũ Khánh Đại** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1991

ĐKKHKT: Xóm 14, xã T, thành phố T, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: SN 3, xóm 16, xã T, thành phố T, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Trịnh Văn T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm 14, xã T, thành phố T, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 16/12/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhà với bố mẹ anh T tại tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh T. Đến năm 2015, anh chị ra ở riêng tại xóm 14, xã T, thành phố T, tỉnh T. Theo chị O, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên say rượu, đánh chửi chị và các con vô lý. Đến cuối năm 2017 anh chị sống ly thân, chị về ở nhà bố mẹ đẻ tại xóm 16, xã T, thành phố T, tỉnh

Tuyên Q, từ đó đến nay anh chị không quan tâm gì đến nhau. Chị O xác định tình cảm vợ chồng hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T có 02 con chung là Trịnh Nguyễn Thu T, sinh ngày 08/9/2011 và Trịnh Nguyễn Tiến D, sinh ngày 01/4/2014. Chị O xin được trực tiếp nuôi dưỡng con gái Trịnh Nguyễn Thu T và yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng con trai Trịnh Nguyễn Tiến D sau khi ly hôn, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị O xác định chị và anh T có tài sản chung nhưng sẽ tự thỏa thuận với nhau, anh chị không có vay nợ chung trong quá trình chung sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết anh Trịnh Văn T không có mặt tại các buổi làm việc theo các giấy báo và thông báo của Tòa án vì vậy không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T.

** Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Anh Trịnh Văn T và chị Nguyễn Thị O cùng hai con về sinh sống tại xóm 14, xã T, thành phố T từ năm 2015. Quá trình chung sống thấy chị O mở quán bán hàng bánh kẹo, nước giải khát còn anh T làm khung nhôm cửa kính tại nhà, không thấy anh chị có xô sát gì to tiếng phải mời chính quyền xóm can thiệp hoà giải. Đến năm 2017 thì không thấy chị O chung sống với anh T nữa mà nghe nói là đã đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ. Từ đó đến nay mới thấy chị O quay về xóm và nói chuyện là đang làm thủ tục ly hôn với anh T. Về phần anh T thì thường xuyên đi ra khỏi nhà từ sáng sớm đến tối mới về, không giao tiếp, không tham gia sinh hoạt chung và không đóng góp gì với tổ xóm, hiện anh T hàng ngày đang đi làm công việc gì ở đâu chính quyền xóm cũng không nắm được.

** Kết quả xác minh tại gia đình anh Trịnh Văn T thể hiện:* Anh Trịnh Văn T và chị Nguyễn Thị O kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi tổ chức cưới anh chị về ở chung với gia đình nhà chồng, cuộc sống bình thường không thấy anh chị có mâu thuẫn gì. Sau một thời gian, anh chị muốn ra ở riêng để làm kinh tế nên gia đình lo cho anh chị ra ở riêng tại xóm 14, xã T, thành phố T và cho anh chị vốn mở cửa hàng nhôm kính. Từ khi ra ở riêng không rõ anh chị làm ăn thế nào nhưng hết vốn liếng ban đầu còn thêm nợ nần dẫn đến gia đình chồng phải trả nợ hộ khoảng 50 triệu đồng. Ngoài ra thì gia đình không thể hiểu được anh chị T – O mâu thuẫn vì nguyên nhân gì dẫn đến việc ly thân từ năm 2018 đến nay, chị O đưa con gái lớn về ở nhà bố mẹ đẻ để con trai nhỏ cho anh T nuôi. Gia đình không muốn anh chị ly hôn vì con anh chị còn nhỏ quá cần phải có đủ bố mẹ để nuôi dưỡng chăm sóc.

** Kết quả xác minh tại gia đình chị Nguyễn Thị O thể hiện:* Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T kết hôn từ năm 2010, thời gian đầu anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại phường T, thành phố T. Sau đó anh chị ra ở riêng tại xóm 14, xã T, thành phố T thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T không chịu làm ăn và hay tụ tập rượu chè, say rượu đánh đuổi vợ con. Sự việc được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng anh T không thay đổi, đến năm 2017 chị O chính thức đưa 02 con nhỏ về ở nhà bố mẹ đẻ tại xóm 16, xã T, thành phố T, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Thi thoảng anh T có đến

đón con của anh chị đi chơi hoặc đưa quà cho con nhưng chỉ đứng ngoài đường gọi con ra mà không hề vào nhà hoặc hỏi han bố mẹ vợ. Kể từ khi anh chị O – T ly thân đến nay gia đình không gặp và nói chuyện với anh T lần nào, khi đi qua nhà của anh chị thì thấy cửa nhà luôn luôn đóng kín. Gia đình nhận thấy hôn nhân của anh chị O – T không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị Nguyễn Thị O.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trịnh Văn T và xin được trực tiếp nuôi dưỡng con gái Trịnh Nguyễn Thu T, yêu cầu anh Trịnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con trai Trịnh Nguyễn Tiến D. Ngoài ra chị O không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề nào khác. Anh Trịnh Văn T vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng phía bị đơn chấp hành chưa nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2010 tại UBND phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị O đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không có bất cứ văn bản, ý kiến gì. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị O; Giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Nguyễn Thu T và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Nguyễn Tiến D, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con do hiện tại chị O không yêu cầu. Về tài sản và vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do chị O xác định không có vay nợ chung và không yêu cầu chia tài sản chung. Đề nghị HĐXX tuyên chị O phải chịu án phí; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (gửi bảo đảm qua đường bưu điện và tổng đạt trực tiếp) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trịnh Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật, như vậy quan hệ hôn nhân của chị O và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, không hoà giải được nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị O có đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Quá

trình Tòa án giải quyết, anh T không có văn bản hoặc ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Oanh và cũng không có mặt tại các buổi làm việc, hoà giải do Tòa án tiến hành.

Qua việc điều tra, xác minh cũng thể hiện chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T đã sống ly thân nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có cơ sở cho thấy hôn nhân của chị O và anh T đã lâm vào tình trạng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T có 02 con chung. Chị O xin được trực tiếp nuôi dưỡng con gái lớn Trịnh Nguyễn Thu T và yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng con trai nhỏ Trịnh Nguyễn Tiến D, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét nguyện vọng và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy giao con Trịnh Nguyễn Thu T, sinh ngày 08/9/2011 cho chị Nguyễn Thị O và giao con Trịnh Nguyễn Tiến D, sinh ngày 01/4/2014 cho anh Trịnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do hiện tại chị O không có yêu cầu về việc cấp dưỡng đối với con chung còn anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: Chị O xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng sẽ tự thỏa thuận, anh chị không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Trịnh Văn T không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Trịnh Văn T.
2. Về con chung:

Xử: Giao con chung là Trịnh Nguyễn Thu T, sinh ngày 08/9/2011 cho chị Nguyễn Thị O; giao con chung là Trịnh Nguyễn Tiến D, sinh ngày 01/4/2014 cho anh Trịnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại không ai có yêu cầu).

Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000350 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị O đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Trịnh Văn T không phải nộp án phí.

Chị Nguyễn Thị O và anh Trịnh Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND phường Tân Quang, TP Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy